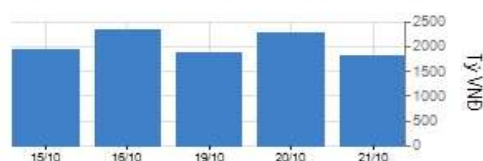


HOSE 21/10/2015

VNINDEX 590.24 -0.21 -0.04%

KLGD 100,314,613 CP
GTGD 1,797.69 Tỷ
GTR NDTNN 53.83 Tỷ

CP Tăng giá 100 CP
CP Giảm giá 112 CP
CP Đứng giá 92 CP

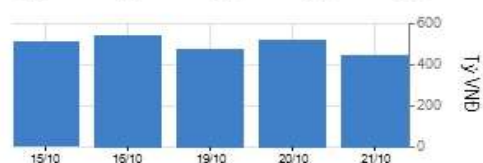
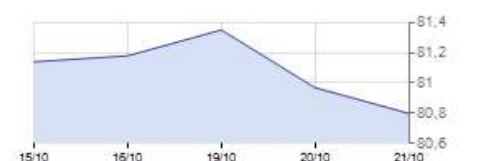


HNX 21/10/2015

HNXINDEX 80.80 -0.17 -0.21%

KLGD 39,241,733 CP
GTGD 441.53 Tỷ
GTR NDTNN 6.00 Tỷ

CP Tăng giá 87 CP
CP Giảm giá 113 CP
CP Đứng giá 179 CP



VN30 & HNX30 INDEX

VN30 604.34 -1.22 -0.20%
HNX30 151.22 0.75 0.50%

Tâm điểm

- ▶ Cổ phiếu vốn hóa lớn phân hóa, chỉ số 2 sàn tiếp tục điều chỉnh
- ▶ Khối ngoại mua ròng gần 60 tỷ trên cả 2 sàn
- ▶ Phân tích kỹ thuật
- ▶ Nhận định thị trường
- ▶ Giao dịch của khối ngoại trên HOSE
- ▶ Diễn biến vĩ mô trong nước và tình hình doanh nghiệp
- ▶ Diễn biến vĩ mô thế giới

Thị trường / Ngành

Theo thị trường

| Thị trường / Ngành | Vốn hóa (tỷ) | P/E | P/B | ROE | ROA |
|---------------------------|------------------|-------------|------------|--------------|-------------|
| HOSE | 1,018,132 | 11.1 | 1.9 | 16.3% | 7.0% |
| HNX | 141,940 | 9.8 | 1.8 | 12.4% | 4.6% |
| Toàn bộ thị trường | 1,160,072 | 11.2 | 1.9 | 16.2% | 6.9% |

Theo ngành

| Ngành | Vốn hóa (tỷ) | P/E | P/B | ROE | ROA |
|---|--------------|------|-----|-------|-------|
| Nhựa, cao su & sợi | 6,738 | 8.3 | 0.8 | 9.3% | 5.5% |
| Sản phẩm hóa dầu, Nông dược & Thép và sản phẩm thép | 37,902 | 7.1 | 1.4 | 18.7% | 10.3% |
| Khai khoáng | 34,919 | 8.7 | 1.5 | 21.3% | 10.8% |
| Vật liệu xây dựng & Nội thất | 21,802 | 83.4 | 4.2 | -2.4% | -2.2% |
| Xây dựng | 34,432 | 9.4 | 1.8 | 20.5% | 10.4% |
| Máy công nghiệp | 37,775 | 10.1 | 1.1 | 12.1% | 4.1% |
| Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng | 8,596 | 7.0 | 1.1 | 16.6% | 10.9% |
| Lốp xe | 19,508 | 12.8 | 1.7 | 11.8% | 8.5% |
| Nuôi trồng nông & hải sản | 7,126 | 9.3 | 2.4 | 24.1% | 11.0% |
| Thực phẩm | 35,776 | 19.9 | 1.8 | 11.7% | 5.9% |
| Dược phẩm | 77,354 | 9.2 | 1.9 | 14.9% | 8.3% |
| Phần mềm | 13,526 | 9.8 | 2.1 | 20.2% | 13.9% |
| Sản xuất & phân phối điện | 19,132 | 10.9 | 1.9 | 20.1% | 7.8% |
| Phân phối xăng dầu & khí đốt | 27,394 | 6.8 | 1.5 | 20.8% | 10.3% |
| Bảo hiểm nhân thọ | 95,414 | 6.9 | 2.1 | 33.0% | 23.1% |
| Môi giới chứng khoán | 38,106 | 28.1 | 3.0 | 10.8% | 2.8% |
| Ngân hàng | 23,526 | 15.4 | 1.4 | 10.2% | 6.1% |
| Bất động sản | 367,547 | 14.6 | 1.9 | 11.6% | 0.8% |
| Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí | 162,099 | 17.1 | 1.6 | 9.8% | 3.3% |
| | 24,781 | 5.9 | 0.9 | 18.4% | 7.9% |

Thống kê thị trường

- ▶ HOSE: Thống kê và nhận định thị trường
- ▶ HNX: Thống kê và nhận định thị trường
- ▶ Tổng hợp chỉ số ngành toàn thị trường

DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

- Khối ngoại đã quay trở lại mua ròng trên cả 2 sàn sau nhiều phiên bán ròng. Mua ròng 59 tỷ đồng trên HOSE, và hơn 6 tỷ trên HNX. Các mã được mua nhiều HHS 21.9 tỷ, PVD 11.8 tỷ, STK 11.7 tỷ...bán ròng nhiều PVT 5.4 tỷ, VIC 4.2 tỷ, KDC, VCB 3.5 tỷ...
- Thanh khoản sụt giảm so với phiên trước và giao dịch ảm đạm trở lại trên cả 2 sàn
- Sự phân hóa của nhóm cổ phiếu lớn dòng tiền chỉ luân chuyển ở một số cổ phiếu đã khiến chỉ số 2 sàn tiếp tục giằng co. Các ổ phiếu hỗ trợ thị trường tăng điểm VNM, BVH tăng 1000đ, VCB tăng 200đ, ngược lại GAS giảm 200đ, VIC giảm 500đ, CTG giảm 100đ, MSN, BID tham chiếu

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

- Khả năng giảm giá có thể đang chiếm ưu thế bởi áp lực bán gia tăng vào cuối phiên, tập trung vào một số cổ phiếu lớn. Lực cầu yếu do tâm lý thận trọng có thể cản trở dòng tiền tham gia vào thị trường
- Xu hướng sẽ tiếp tục dao động trong biên độ hẹp 580-600 đối với Vn-Index và 80-82 đối với HNX-Index trong ngắn hạn. Tuy vậy, áp lực cung ngắn hạn gia tăng có thể khiến chỉ số 2 sàn sụt giảm mạnh khi thị trường thiếu thông tin hỗ trợ
- Động lực tích cực cho thị trường là thông tin về kết quả kinh doanh trong quý 3/2015, song bức tranh thị trường đã có những điểm tối, việc hé lộ kết quả kinh doanh của nhiều CTCK có mức tăng trưởng sụt giảm mạnh, nguyên nhân chủ yếu do sự sụt giảm trong hoạt động kinh doanh môi giới và tự doanh

CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ

- Ngắn hạn: Nhà đầu tư nên xem xét giảm tỷ trọng cổ phiếu trong những phiên phục hồi với cổ phiếu sẵn có trong danh mục và chờ đợi mua lại khi cổ phiếu sụt giảm về vùng hỗ trợ để giảm giá vốn
- Dài hạn: Trong các phiên điều chỉnh, mua và nắm giữ các cổ phiếu có kết quả kinh doanh tốt trong quý 3, các cổ phiếu thu hút được dòng vốn nước ngoài nhờ nới room, TPP hay thoái vốn của SCIC như cổ phiếu ngành Công nghệ thông tin, logistics, cơ sở hạ tầng, thực phẩm...

▶ **Tin tức**

Hoạt động doanh nghiệp

Dầu Tường An: 9 tháng lãi hơn 54 tỷ đồng, gấp 2.7 lần

Doanh thu trong quý 3 đạt 899.5 tỷ đồng, giảm 18% so với cùng kỳ năm trước. Nhờ vào việc hoàn nhập tự phòng giảm giá hàng tồn kho hơn 9 tỷ đồng mà giá vốn hàng bán giảm mạnh hơn 19%, chiếm 803 tỷ đồng, qua đó lãi gộp đạt 96.3 tỷ đồng. Tỷ suất lãi gộp đạt 10.7%, cùng kỳ là khoảng 9.2%. Lãi ròng trong kỳ đạt 17.8 tỷ đồng, tăng 117% so với cùng kỳ năm trước. Lũy kế 9 tháng TAC đạt doanh thu 2,645 tỷ đồng, giảm 15%. Tuy nhiên biên lãi gộp cải thiện từ 8.8% lên 10.6%, nhờ đó lãi ròng trong 9 tháng đạt được 54.3 tỷ đồng, gấp 2.7 lần cùng kỳ năm 2014 và vượt kế hoạch năm 9%.

VNS: 9 tháng công ty mẹ lãi 247 tỷ đồng, sắp cán đích kế hoạch năm

Trong kỳ, doanh thu tăng 11% và giá vốn hàng bán tăng 13% đưa lãi gộp về hơn 160 tỷ đồng, tương đương cùng kỳ năm trước. Các chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp ở mức 45.5 tỷ đồng và 18.4 tỷ đồng, trong đó chi phí quản lý giảm hơn 24% so với cùng kỳ năm 2014. Bên cạnh đó, trong quý 3/2015, công ty mẹ VNS thu về gần 39 tỷ đồng lợi nhuận khác, nhiều khả năng do công ty thanh lý 220 xe cũ. Với các biến động từ doanh thu, chi phí và lợi nhuận khác, kết thúc quý 3/2015, công ty thu về 94 tỷ đồng, tăng 24% so với cùng kỳ năm 2014. Lũy kế 9 tháng đầu năm, công ty mẹ VNS lãi ròng 247 tỷ đồng, tăng hơn 7% so với 9 tháng đầu năm 2014 và thực hiện được 94.4% kế hoạch lợi nhuận cả năm của công ty mẹ. Trong 9 tháng đầu năm, công ty mẹ VNS đầu tư 1,011 xe mới (quý 3/2015 đầu tư 368 xe mới), hoàn thành 95.4% kế hoạch và thanh lý 583 xe, hoàn thành 83.3% kế hoạch.

Vĩ mô trong nước

Lãi suất tiết kiệm tiếp tục nhích lên

Mức tăng phổ biến ở các ngân hàng là 0,2-0,4% một năm và chủ yếu điều chỉnh ở kỳ hạn dài. Từ 21/10/2015, Ngân hàng Bản Việt tăng lãi suất tiền gửi VND thêm 0,2% mỗi năm cho nhiều kỳ hạn. Trong đó, kỳ hạn 7 và 8 tháng lần lượt 6,5% và 6,6% một năm, kỳ hạn 11 tháng là 6,8% mỗi năm. Lãi suất cao nhất tại ngân hàng là 7,4% với kỳ hạn 12 tháng. Trước đó, LienVietpostBank cũng đã điều chỉnh lãi suất huy động kỳ hạn 13 tháng thêm 0,2%, lên 7,5%, mức cao nhất của ngân hàng tại thời điểm này. Ngân hàng Đông Á (DongA Bank) mới đây công bố biểu lãi suất huy động tiền đồng mới với bước tăng 0,4% tập trung ở hai kỳ hạn là 1 và 2 tháng; từ 4,6% một năm trước đó lên 5% mỗi năm.

Vĩ mô thế giới

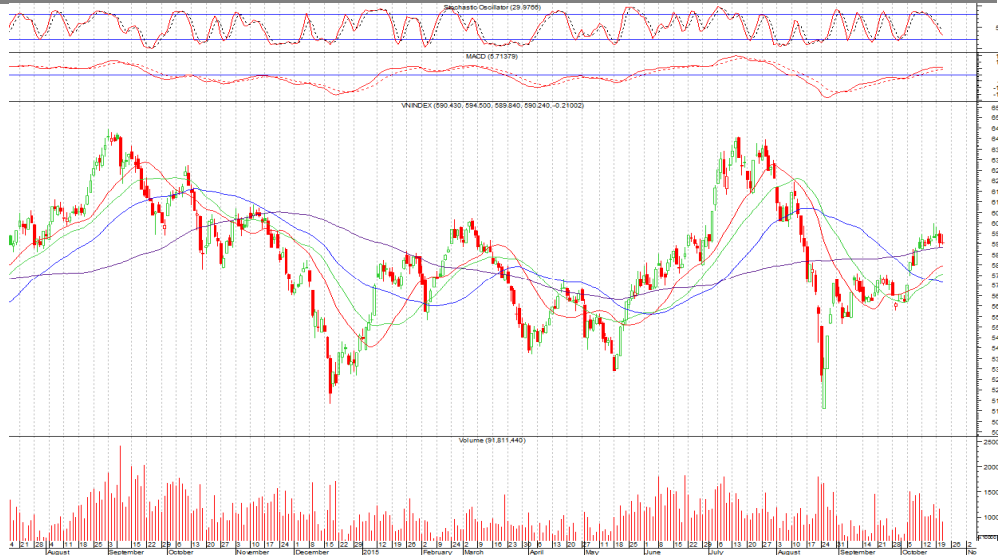
Phổ Wall tuột khỏi mốc cao nhất 2 tháng

Kết thúc phiên hôm qua (20/10), S&P 500 giảm 0,1%, xuống còn 2.030,77 điểm. Chỉ số công nghiệp Dow Jones giảm 0,1%, xuống còn 17.217,11 điểm. Bị kéo xuống bởi cổ phiếu công nghệ sinh học, chỉ số Nasdaq giảm 0,5%. Tổng cộng có khoảng 6 tỷ cổ phiếu được giao dịch trong phiên, thấp hơn 19% so với mức trung bình 3 tháng.

HOSE 21/10/2015 VNINDEX 590.24 -0.21 -0.04% 100,314,613 CP 1,797.69 bil VND

Cổ phiếu vốn hóa lớn phân hóa, chỉ số tiếp tục giằng co

- Vn-Index giảm 0.21 điểm xuống mức 590.24 (-0.04%). Nền Gravestone Doji hình thành cho thấy tâm lý nhà đầu tư khá thận trọng, áp lực bán tăng vào cuối phiên
- Stochastic Oscillator tiếp tục sụt giảm từ 40 xuống 30
- MACD dừng tăng và sụt giảm nhẹ, các chỉ số vẫn tiếp tục duy trì trên các đường MA dài hạn cho thấy xu hướng tăng dài hạn vẫn chưa bị phá vỡ, nhưng ngắn hạn thị trường khó có khả năng tăng
- Chỉ số có thể vẫn tiếp tục giằng co tích lũy giảm về 590 hoặc về vùng hỗ trợ 580.



HOSE Top 5 theo KLGD

| | | |
|-----|--------------|-----------|
| FLC | -0.1 (-1.4%) | 5,526,580 |
| HHS | 0.5 (2.9%) | 5,343,350 |
| ITA | 0 (0.0%) | 3,881,820 |
| HQC | 0 (0.0%) | 3,211,980 |
| DLG | 0.3 (3.9%) | 2,786,350 |

HOSE Top 5 theo % tăng

| | | |
|-----|-------------|---------|
| PTK | 0.1 (11.1%) | 102,210 |
| GTT | 0.1 (8.3%) | 115,020 |
| VLF | 0.1 (7.7%) | 3,010 |
| SVC | 2 (7.0%) | 361,450 |
| BMC | 1.1 (6.9%) | 52,790 |

HOSE Top 5 theo % giảm

| | | |
|-----|--------------|--------|
| KTB | -0.1 (-9.1%) | 26,180 |
| SFC | -1.5 (-7.0%) | 10 |
| SII | -2.3 (-6.9%) | 100 |
| BBC | -4 (-6.7%) | 900 |
| HU3 | -0.5 (-6.4%) | 100 |

HOSE Top 5 Mua ròng NDTNN

| | | |
|-----|---------|-----------|
| HHS | 21.9 tỷ | 1,246,030 |
| PVD | 11.8 tỷ | 320,330 |
| STK | 11.7 tỷ | 314,170 |
| GAS | 5.4 tỷ | 114,980 |
| BVH | 4.4 tỷ | 77,430 |

HOSE Top 5 Bán ròng NDTNN

| | | |
|-----|---------|---------|
| PVT | -5.4 tỷ | 481,260 |
| VIC | -4.2 tỷ | 100,290 |
| KDC | -3.5 tỷ | 146,080 |
| VCB | -3.5 tỷ | 75,260 |
| SSI | -3.0 tỷ | 127,480 |

| GD NDTNN | KL Ròng | GT Ròng (tỷ) |
|----------|-----------|--------------|
| HOSE | 1,929,280 | 53.83 |

Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ VN - Index tiếp tục thử thách vùng kháng cự 595 - 600 nhưng không thành, đồ thị giá đuối dần và đóng cửa trong sắc đỏ
- ▶ Tâm lý nhà đầu tư thận trọng, lực đẩy giá cao không nhiều, không thể tạo sự bứt phá, càng về cuối phiên áp lực bán càng cao
- ▶ Các cổ phiếu bảo hiểm đồng loạt đóng cửa trong sắc xanh: BMI tăng 1.100 đồng, BVH tăng 1.000 đồng, PGI tăng 700 đồng, BIC tăng 100 đồng.
- ▶ Chiều ngược lại, nhiều cổ phiếu lớn giảm điểm trở thành lực cản kéo VN-Index vào cuối phiên: VIC giảm 500 đồng, FPT giảm 300 đồng, GAS giảm 200 đồng...
- ▶ Khối ngoại mua ròng gần 54 tỷ đồng, mua HHS gần 22 tỷ, PVD 11.8 tỷ, STK 11.7 tỷ... Bán ròng PVT 5.4 tỷ, VIC 4.2 tỷ...

HOSE - Top 10 theo vốn hóa

| Mã CK | SLCPLH (triệu) | Giá (000') | Vốn hóa (tỷ) | P/E (lần) | P/B (lần) | ROE | ROA |
|-------|----------------|------------|--------------|-----------|-----------|-------|-------|
| VCB | 2,665.0 | 45.6 | 121,524.93 | 21.9 | 2.7 | 10.8% | 0.9% |
| GAS | 1,894.4 | 46.7 | 88,468.39 | 6.9 | 2.1 | 34.1% | 24.3% |
| BID | 3,418.7 | 24.0 | 82,049.17 | 12.7 | 2.1 | 16.2% | 0.8% |
| CTG | 3,723.4 | 20.8 | 77,446.81 | 13.6 | 1.4 | 10.4% | 0.9% |
| VIC | 1,846.1 | 41.7 | 76,981.31 | 38.9 | 2.0 | 8.1% | 2.1% |
| MSN | 746.7 | 74.0 | 55,257.12 | 30.8 | 2.1 | 9.2% | 3.2% |
| BVH | 680.5 | 57.0 | 38,786.87 | 28.1 | 3.0 | 10.8% | 2.8% |
| HPG | 732.9 | 31.2 | 22,867.03 | 7.1 | 1.8 | 26.4% | 14.6% |
| MBB | 1,600.0 | 14.2 | 22,720.00 | 6.8 | 0.9 | 15.2% | 1.3% |
| STB | 1,585.3 | 14.1 | 22,352.24 | 9.3 | 0.9 | 11.6% | 1.1% |

HOSE - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

| Mã CK | SLCPLH (triệu) | Giá (000') | Vốn hóa (tỷ) | P/E (lần) | P/B (lần) | Giá mục tiêu | Khuyến nghị |
|-------|----------------|------------|--------------|-----------|-----------|--------------|-------------|
| PVD | 348.1 | 36.5 | 12,703.83 | 6.2 | 0.9 | NA | TH.DOI |
| CTG | 3,723.4 | 20.8 | 77,446.81 | 13.6 | 1.4 | 19.6 | GIU |
| SSI | 470.1 | 23.7 | 11,140.36 | 15.1 | 1.7 | NA | TH.DOI |
| FPT | 397.4 | 47.0 | 18,680.12 | 10.9 | 1.9 | NA | TH.DOI |
| BID | 3,418.7 | 24.0 | 82,049.17 | 12.7 | 2.1 | NA | TH.DOI |
| GAS | 1,894.4 | 46.7 | 88,468.39 | 6.9 | 2.1 | NA | TH.DOI |

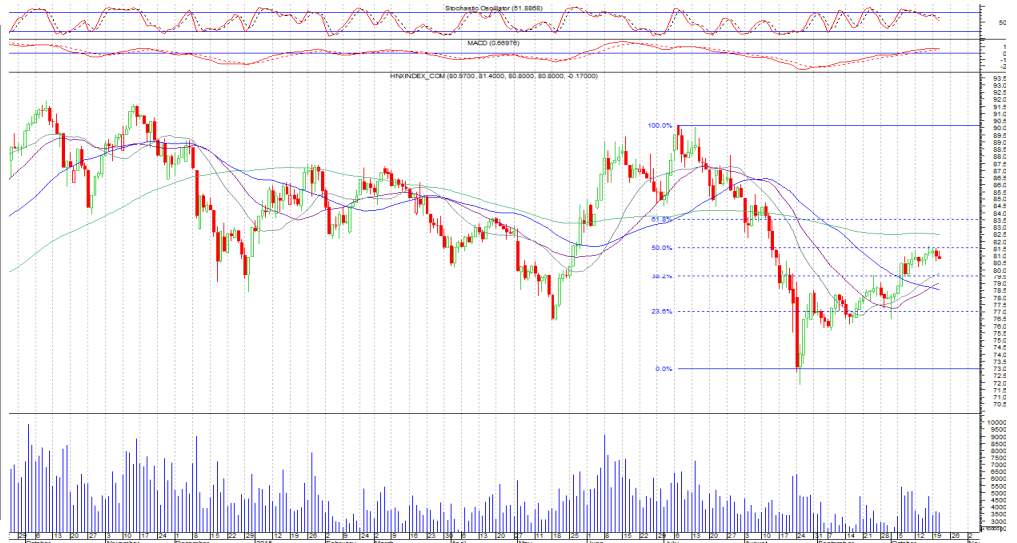
| STT | Ma CK | Room NN | % NN | Giao dịch khớp lệnh | | | | Giao dịch thỏa thuận | | | | |
|--------------------|---------|----------------|--------|---------------------|--------|---------|--------|----------------------|--------|---------|--------|--|
| | | | | KL Mua | GT Mua | KL Bán | GT Bán | KL Mua | GT Mua | KL Bán | GT Bán | |
| HOSE Top 25 | | Mua ròng NDTNN | | | | | | | | | | |
| 1 | HHS | 23,872,774 | 0.27% | 1,251,530 | 22.01 | 5,500 | 0.10 | - | - | - | - | |
| 2 | PVD | 42,437,330 | 0.37% | 330,330 | 12.13 | 10,000 | 0.37 | - | - | - | - | |
| 3 | STK | 15,289,164 | 0.13% | 209,170 | 7.75 | - | - | 105,000 | 3.95 | - | - | |
| 4 | GAS | 888,722,700 | 0.02% | 127,690 | 5.97 | 12,710 | 0.60 | - | - | - | - | |
| 5 | BVH | 162,865,586 | 0.25% | 120,000 | 6.87 | 42,570 | 2.44 | - | - | - | - | |
| 6 | CII | 23,858,557 | 0.35% | 163,150 | 3.90 | - | - | - | - | - | - | |
| 7 | SKG | 589,799 | 0.47% | 9,120 | 0.77 | 13,510 | 1.14 | 300,000 | 25.50 | 250,000 | 21.25 | |
| 8 | BID | 876,688,428 | 0.02% | 211,000 | 5.07 | 50,000 | 1.21 | - | - | - | - | |
| 9 | CTG | 16,632,697 | 29.55% | 251,540 | 5.23 | 80,900 | 1.67 | - | - | - | - | |
| 10 | KBC | 87,067,119 | 30.70% | 248,920 | 3.57 | 2,000 | 0.03 | - | - | - | - | |
| 11 | DCM | 238,929,603 | 3.87% | 200,100 | 2.58 | - | - | - | - | - | - | |
| 12 | BHS | 29,166,209 | 2.70% | 110,000 | 2.11 | - | - | - | - | - | - | |
| 13 | FMC | 8,628,340 | 5.86% | 74,260 | 2.17 | 4,320 | 0.13 | - | - | - | - | |
| 14 | SVC | 5,034,610 | 28.86% | 97,420 | 2.92 | 31,910 | 0.98 | - | - | - | - | |
| 15 | HT1 | 124,311,217 | 9.91% | 72,790 | 1.87 | 2,000 | 0.05 | 186,630 | 4.82 | 186,630 | 4.82 | |
| 16 | ELC | 14,629,927 | 13.29% | 84,380 | 1.65 | 1,000 | 0.02 | - | - | - | - | |
| 17 | DHC | 5,304,974 | 18.26% | 45,000 | 1.16 | - | - | - | - | - | - | |
| 18 | DPM | 82,516,925 | 27.29% | 80,000 | 2.59 | 46,240 | 1.50 | - | - | - | - | |
| 19 | E1VFN30 | 16,478,400 | 57.42% | 98,600 | 0.96 | - | - | - | - | - | - | |
| 20 | DIG | 35,747,496 | 31.00% | 100,000 | 1.20 | 20,680 | 0.25 | - | - | - | - | |
| 21 | GDT | 3,037,648 | 24.60% | 21,080 | 0.78 | - | - | - | - | - | - | |
| 22 | HPG | 69,819,448 | 39.47% | 153,440 | 4.82 | 129,110 | 4.06 | - | - | - | - | |
| 23 | FCM | 19,321,905 | 1.87% | 86,000 | 0.57 | - | - | - | - | - | - | |
| 24 | NBB | 6,301,828 | 38.19% | 22,000 | 0.50 | - | - | - | - | - | - | |
| 25 | TYA | 784,975 | 34.93% | 46,080 | 0.46 | - | - | - | - | - | - | |

| | | | | | | | | | | | | |
|--------------------|-----|----------------|--------|--------|------|---------|------|---|---|---|---|--|
| HOSE Top 25 | | Bán ròng NDTNN | | | | | | | | | | |
| 1 | PVT | 85,379,440 | 15.63% | - | - | 481,260 | 5.41 | - | - | - | - | |
| 2 | VIC | 271,426,841 | 14.30% | 30,710 | 1.29 | 131,000 | 5.50 | - | - | - | - | |
| 3 | KDC | 65,052,940 | 23.65% | 3,920 | 0.09 | 150,000 | 3.59 | - | - | - | - | |
| 4 | VCB | 238,913,095 | 21.04% | 50,000 | 2.30 | 125,260 | 5.76 | - | - | - | - | |
| 5 | SSI | 239,126,669 | 49.13% | 12,220 | 0.29 | 139,700 | 3.33 | - | - | - | - | |
| 6 | MSN | 103,757,330 | 34.23% | 3,120 | 0.23 | 43,000 | 3.14 | - | - | - | - | |
| 7 | CTD | 1 | 49.00% | - | - | 17,850 | 2.21 | - | - | - | - | |
| 8 | NNC | 3,848,081 | 19.74% | - | - | 40,050 | 2.12 | - | - | - | - | |
| 9 | IJC | 105,678,975 | 10.46% | - | - | 225,130 | 2.07 | - | - | - | - | |
| 10 | HDC | 6,051,404 | 34.28% | - | - | 143,840 | 1.86 | - | - | - | - | |
| 11 | HAG | 206,855,294 | 16.39% | 3,500 | 0.05 | 110,580 | 1.60 | - | - | - | - | |
| 12 | NT2 | 85,845,533 | 17.66% | - | - | 52,980 | 1.38 | - | - | - | - | |
| 13 | LIX | 6,342,252 | 19.64% | 20 | 0.00 | 19,270 | 1.02 | - | - | - | - | |
| 14 | HAI | 56,743,221 | 0.63% | - | - | 120,000 | 0.73 | - | - | - | - | |
| 15 | TRC | 11,105,640 | 11.98% | 1,000 | 0.02 | 35,250 | 0.74 | - | - | - | - | |
| 16 | TDH | 1,500,035 | 45.43% | 200 | 0.00 | 48,390 | 0.67 | - | - | - | - | |
| 17 | DRC | 10,096,811 | 37.95% | 62,300 | 2.95 | 73,330 | 3.47 | - | - | - | - | |
| 18 | NHS | 29,312,646 | 0.75% | - | - | 30,000 | 0.50 | - | - | - | - | |
| 19 | VSH | 43,077,216 | 28.11% | 100 | 0.00 | 28,340 | 0.43 | - | - | - | - | |
| 20 | LHG | 12,648,049 | 0.51% | - | - | 26,340 | 0.41 | - | - | - | - | |
| 21 | CAV | 13,694,383 | 1.45% | 2,000 | 0.09 | 9,820 | 0.43 | - | - | - | - | |
| 22 | CSM | 24,827,824 | 15.46% | 1,900 | 0.05 | 14,230 | 0.40 | - | - | - | - | |
| 23 | VIP | 23,261,932 | 12.65% | - | - | 29,530 | 0.30 | - | - | - | - | |
| 24 | VPH | 14,910,626 | 16.09% | - | - | 40,000 | 0.28 | - | - | - | - | |
| 25 | VHC | 17,250,279 | 30.33% | 3,550 | 0.13 | 10,010 | 0.37 | - | - | - | - | |

HNX 21/10/2015 HNX-Index 80.80 -0.17 -0.21% 39,241,733 CP 441.53 bil. VND

Áp lực bán gia tăng khiến chỉ số tiếp tục điều chỉnh

- Chỉ số HNX-Index giảm 0.17 điểm đạt 80.80 (-0.21%). Mẫu hình nền Shooting Star hình thành vùng kháng cự cho thấy khả năng chỉ số sẽ tiếp tục điều chỉnh
 - Đường Stochastic Oscillator giảm mạnh từ 62 xuống 52
 - MACD đi ngang vẫn duy trì trên đường zezo
 - Chỉ số có thể tăng giảm đan xen tại vùng 80-82, tích lũy xung quanh mốc này, khối lượng có sự sụt giảm mạnh tại vùng kháng cự, lực cầu yếu có thể khiến chỉ số sụt giảm trở lại



HNX Top 5 theo KLGD

| | | |
|-----|--------------|-----------|
| SHB | -0.1 (-1.5%) | 2,744,410 |
| KLF | -0.1 (-2.2%) | 2,503,340 |
| TIG | 0.1 (0.9%) | 2,003,350 |
| NHA | -1 (-9.4%) | 1,936,200 |
| S99 | -0.5 (-6.6%) | 1,720,800 |

HNX Top 5 theo % tăng

| | | |
|-----|-------------|--------|
| DNP | 1.8 (10.0%) | 34,400 |
| PXA | 0.2 (10.0%) | 66,800 |
| SEB | 3.3 (9.9%) | 700 |
| TTC | 1.2 (9.8%) | 65,520 |
| VNT | 3 (9.8%) | 100 |

HNX Top 5 theo % giảm

| | | |
|-----|---------------|-------|
| DZM | -0.6 (-10.0%) | 300 |
| QST | -1 (-10.0%) | 100 |
| RCL | -2.5 (-10.0%) | 200 |
| TCS | -0.9 (-10.0%) | 3,700 |
| MCF | -1.5 (-9.9%) | 2,100 |

HNX Top 5 Mua ròng NDTNN

| | | |
|-----|--------|---------|
| DBC | 2,6 tỷ | 100,000 |
| HDA | 2,5 tỷ | 181,300 |
| TNG | 2,0 tỷ | 79,000 |
| HUT | 0,6 tỷ | 50,000 |
| HLD | 0,3 tỷ | 19,000 |

HNX Top 5 Bán ròng NDTNN

| | | |
|-----|---------|--------|
| PVS | -0,7 tỷ | 30,000 |
| DXP | -0,7 tỷ | 12,900 |
| PVC | -0,5 tỷ | 24,000 |
| BVS | -0,5 tỷ | 36,100 |
| MAC | -0,4 tỷ | 38,600 |

| GD NDTNN | KL Ròng | GT Ròng (tỷ) |
|----------|---------|--------------|
| HNX | 275,200 | 6.00 |

Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ Mở cửa khởi sắc, đồ thị giá bật tăng vượt mốc 81 điểm, trước khi bất ngờ đảo chiều trong phiên chiều và đóng cửa ở mức điểm thấp nhất trong ngày.
- ▶ Xu hướng tích cực đến sớm nhưng đã không duy trì được đến cuối phiên. Tâm lý thận trọng tiếp tục là lực cản, kim hãm đà tăng của chỉ số.
- ▶ Nhóm cổ phiếu chủ chốt chịu sự phân hóa về giá., chốt phiên: PVX, SCR tăng nhẹ 100 đồng; KLS, VCG dừng mốc tham chiếu; ACB, SHB giảm 100 đồng...
- ▶ Dẫn đầu về thanh khoản là SHB với hơn 2.7 triệu đơn vị, tiếp đến KLF 2.5 triệu, TIG 2 triệu, NHA 1.9 triệu, S99 1.7 triệu...
- ▶ Khối ngoại mua ròng nhẹ 6 tỷ đồng, mua nhiều DBC 2.6 tỷ, HDA 2.5 tỷ, TNG 2 tỷ...bán ròng PVS, DXP 0.7 tỷ, PVC 0.5 tỷ...

HNX - Top 10 theo vốn hóa

| Mã CK | SLCPLH (triệu) | Giá (000') | Vốn hóa (tỷ) | P/E (lần) | P/B (lần) | ROE | ROA |
|-------|----------------|------------|--------------|-----------|-----------|--------|-------|
| ACB | 896.3 | 20.5 | 18,373.61 | 19.6 | 1.6 | 7.6% | 0.5% |
| PVS | 446.7 | 22.3 | 9,961.42 | 5.5 | 0.9 | 19.1% | 6.9% |
| SQC | 107.3 | 81.0 | 8,691.22 | 70.5 | 9.3 | -10.7% | -8.5% |
| PHP | 327.0 | 22.1 | 7,225.82 | 12.4 | 1.8 | 6.7% | 4.0% |
| SHB | 948.1 | 6.7 | 6,352.26 | 8.2 | 0.6 | 7.4% | 0.5% |
| VCG | 441.7 | 11.3 | 4,991.33 | 13.5 | 0.7 | 5.7% | 1.6% |
| PVI | 222.3 | 21.6 | 4,801.38 | 15.0 | 0.7 | 4.9% | 1.8% |
| NTP | 62.0 | 61.1 | 3,786.56 | 11.4 | 2.5 | 22.8% | 13.0% |
| PLC | 80.8 | 36.0 | 2,908.71 | 7.9 | 2.0 | 29.2% | 9.9% |
| CHP | 126.0 | 20.1 | 2,532.59 | 6.9 | 1.7 | 25.5% | 11.2% |

HNX - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

| Mã CK | SLCPLH (triệu) | Giá (000') | Vốn hóa (tỷ) | P/E (lần) | P/B (lần) | Giá mục tiêu | Khuyến nghị |
|-------|----------------|------------|--------------|-----------|-----------|--------------|-------------|
| VCG | 441.7 | 11.3 | 4,991.33 | 13.5 | 0.7 | NA | TH.DOI |
| NDN | 32.3 | 13.5 | 436.46 | 4.5 | 1.1 | 19.6 | MUA |
| PVS | 446.7 | 22.3 | 9,961.42 | 5.5 | 0.9 | NA | TH.DOI |
| CEO | 68.6 | 16.1 | 1,104.85 | 6.6 | 1.2 | NA | TH.DOI |
| ACB | 896.3 | 20.5 | 18,373.61 | 19.6 | 1.6 | 13.0 | BAN |
| SHB | 948.1 | 6.7 | 6,352.26 | 8.2 | 0.6 | NA | TH.DOI |

- ▶ **Nguyễn Việt Dũng** Trưởng phòng Nghiên cứu Phân tích
dungnv@vietinbanksc.com.vn
- ▶ **Đặng Trần Hải Đăng** Phó phòng Nghiên cứu Phân tích
dangdth@vietinbanksc.com.vn
- ▶ **Trịnh Thị Thu Phương** thuphuong@vietinbanksc.com.vn
 - Tổng hợp thông tin vĩ mô
 - Phân tích kỹ thuật
 - Nhận định, bình luận thị trường
- ▶ **Nguyễn Thu Hằng** hangntt@vietinbanksc.com.vn
 - Ngân hàng
 - Dược phẩm
 - Phân bón
 - Nước giải khát
- ▶ **Vũ Ánh Nguyệt** nguyetva@vietinbanksc.com.vn
 - Cao su
 - Thủy sản
 - Dệt may
 - Mía đường
- ▶ **Lê Duy Hưng** hungld@vietinbanksc.com.vn
 - Bất động sản
 - Thép
 - Xây dựng
- ▶ **Nguyễn Quang Nghĩa** nghianq@vietinbanksc.com.vn
 - Dầu khí
 - Phân bón

Bản báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin và không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua bán chứng khoán cụ thể nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng nhà đầu tư. Ngoài ra, nhà đầu tư cũng ý thức có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo khi đưa ra quyết định đầu tư và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. VietinBankSc tuyệt đối không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại, đối với việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào của bản báo cáo này.

Toàn bộ các quan điểm thể hiện trong báo cáo này đều là quan điểm cá nhân của người phân tích. Không có bất kỳ một phần thu nhập nào của người phân tích liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến các khuyến cáo hay quan điểm cụ thể trong bản báo cáo này.

Thông tin sử dụng trong báo cáo này được VietinBankSc thu thập từ những nguồn mà chúng tôi cho là đáng tin cậy. Tuy nhiên, chúng tôi không đảm bảo rằng những thông tin này là hoàn chỉnh hoặc chính xác. Các quan điểm và ước tính trong đánh giá của chúng tôi có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi mà không cần báo cáo trước.

Bản báo cáo này được giữ bản quyền và là tài sản của VietinBankSc. Mọi sự sao chép, chuyển giao hoặc sửa đổi trong bất kỳ trường hợp nào mà không có sự đồng ý của VietinBankSc đều trái luật.

Bản quyền thuộc VietinBankSc, 2013. Vui lòng trích nguồn khi sử dụng các thông tin trong bản báo cáo này.